

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 28-6-2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Dũng; bà Cao Thị Phương Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Châu Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 18-8-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày: Bà và ông Lê Văn D qua quá trình tự tìm hiểu nhau nên bà và ông Lê Văn D đã tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào 19/12/2002. Quá trình chung sống vợ chồng, bà và ông D hạnh phúc được một thời gian đầu, đến khoảng từ năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, giữa bà và ông D không có tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, nguyên nhân chính do ông D có hành vi bạo lực gia đình, mặc dù nhiều lần bà đã khuyên ngăn, nhưng ông D không thay đổi, bà và ông D ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục bà T xin ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn L, sinh ngày 07/11/2000 và Lê Thị Bảo Y, sinh ngày 10/01/1998, hiện các con đã trưởng thành và sống tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn D Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng ông D vắng mặt không rõ lý do, nên không tiếp nhận lời khai của ông Lê Văn D

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Văn D; không yêu cầu giải quyết về con chung; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn D Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng ông D vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70 BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm Điều 72 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đảm bảo Điều 227 và Điều 228 BLTTDS

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Bà T và ông D chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn nên xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông D có bạo lực gia đình, đánh bà và đã ly thân từ năm 2017 đến nay, trong thời gian ly thân cũng không liên lạc với nhau. Ngoài ra trước đây bà T có làm đơn xin ly hôn với ông D nhưng sau đó rút lại đơn để gia đình đoàn tụ, nhưng trong thời gian rút đơn ông D vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những chứng cứ trên xét thấy bà T xin ly hôn với ông D là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn L, sinh ngày 07/11/2000 và Lê Thị Bảo Y, sinh ngày 10/01/1998, hiện các con đã trưởng thành và sống tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; theo thông tin định danh cá nhân ông Lê Văn D có địa chỉ hiện nay tại số C khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo quyết định chuyển vụ án số 02/2023/QĐST-DS, ngày 01/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đã chuyển vụ án theo thẩm quyền cho Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, đến ngày 29/12/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương chuyển hồ sơ vụ án trên theo Quyết định số 14/2023/QĐST-DS cho Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý lại vụ án theo quy định của Bộ L2. Qua xác minh tại địa phương ông D hiện đang sinh sống tại Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Lâm Thị T xin ly hôn với ông Lê Văn D. Tòa án xác định quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, ông D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn D.

[4] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị T và ông Lê Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2002 theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa bà T và ông D sau khi kết hôn, do phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính ông D không quan tâm chăm sóc gia đình, ông D có hành vi bạo lực gia đình.., mặc dù bà đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn, nhưng không thành. Nay bà Lâm Thị T xin ly hôn ông Lê Văn D.

Quá trình tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn D, nhằm đảm bảo quyền lợi của ông D theo quy định của pháp luật để ông D được trình bày ý kiến, nhưng ông D vẫn vắng mặt và ông D cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T. Do vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông D.

Tại biên bản xác minh ngày 29-3-2024 xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D, không biết nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, hiện nay cả hai đã sống ly thân, khoảng thời gian hơn 01 năm trở lại đây ông D quay về địa phương sinh sống tại khóm A, thị

trần B, huyện T, tỉnh An Giang. Việc ly hôn giữa ông D và bà T, ông D có biết, Tòa gửi giấy mời nhiều lần ông D đều nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình, tuy nhiên giữa ông D và bà T không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, và hai bên cũng không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, đã ly thân năm 2017 cho đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Trước đó, bà T cũng đã từng gửi đơn xin ly hôn tại Tòa vào tháng 8/2022, nhưng sau đó xin rút lại đơn ly hôn, trong thời gian rút đơn hai bên cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị T về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn L, sinh ngày 07/11/2000 và Lê Thị Bảo Y, sinh ngày 10/01/1998, hiện các con đã trưởng thành và sống tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Lâm Thị T nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị T

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Lê Văn D.

Về con chung: Không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lâm Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm

ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số TU/2022 số 0009760 ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc L1